



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/No: 07102607/KQ
Tên khách hàng/ Customer : TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ/ Address : NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Loại mẫu/ Type of sample : Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh
Tên mẫu/ Name of sample : Nước sạch
Mã số mẫu/ Code of sample : Nước sạch sau xử lý
Mô tả mẫu/ Sample description : Trạm cấp nước An Linh - Ấp 30/4, xã An Long, Thành phố Hồ Chí Minh
Số lượng/ Quantity : Toạ độ: 11.355829; 106.727519
Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 07/10/2026
Ngày trả kết quả/ Date of result : 14/10/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
				071026-119	
1.	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Arsen	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
4.	(a) Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G : 2023	0,49	0,2 – 1,0
5.	(a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130:2023	< 0,35 (LOQ = 0,35)	2
6.	(a) Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
7.	(a) Mùi	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	7,40	6,0 – 8,5
9.	(a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD = 0,03)	1
10.	(a) Chỉ số permanganat	mg/L	TCVN 6186 :1996	< 1,5 (LOQ = 1,5)	2

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích nằm trong ngưỡng giới hạn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. /The water sample's parameters were inside the permissible limits specified in the National Technical Regulation QCVN 01-1: 2024/BYT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM (TEST REPORT)

Số/No: 07102607/KQ

Ghi chú/Notes:

- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 30 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation;
- (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;
- QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

**Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)**



Nguyễn Đoàn Bình

**KT. Tổng Giám đốc/ PP.Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/No: 07102607/KQ

Tên khách hàng/ Customer

Địa chỉ/ Address

Loại mẫu/ Type of sample

Tên mẫu/ Name of sample

Mã số mẫu/ Code of sample

Mô tả mẫu/ Sample description

Số lượng/ Quantity

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling

: TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

: Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh

: Nước sạch

: Nước sạch sau xử lý

: Hộ Nguyễn Văn Bài, ấp Phú Bằng, xã An Long, Thành phố Hồ Chí Minh (Trạm cấp nước An Linh)

: Toạ độ: 11.360552; 106.724819

: 071026-120

: Mẫu nước đựng trong chai nhựa 1,5L và chai thủy tinh 0,5L

: 01 mẫu

: 07/10/2026

Ngày trả kết quả/ Date of result

: 14/10/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01- 1:2024/BYT
				071026-120	
1.	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Arsen	mg/L	SMEWW 3125B: 2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
4.	(a) Clo dư tự do	mg/L	SMEWW 4500-Cl.G : 2023	0,39	0,2 – 1,0
5.	(a) Độ đục	NTU	SMEWW 2130:2023	0,35	2
6.	(a) Màu sắc	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
7.	(a) Mùi	--	HDPT-N.03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
8.	(a) pH	--	TCVN 6492: 2011	6,70	6,0 – 8,5
9.	(a) Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD = 0,03)	1
10.	(a) Chỉ số permanganat	mg/L	TCVN 6186 :1996	< 1,5 (LOQ = 1,5)	2

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích nằm trong ngưỡng giới hạn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. /The water sample's parameters were inside the permissible limits specified in the National Technical Regulation QCVN 01-1: 2024/BYT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/No: 07102607/KQ

Ghi chú/Notes:

- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. [Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 30 days from the date of results of return.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation;
- (--): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;
- QCVN 01-1: 2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)



Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP.Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director



Phan Duy Hưng